**TỔNG HỢP TẤT CẢ CÁC VẤN ĐỀ TIẾNG VIỆT 6-9**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***TT*** | ***TÊN*** | ***Khái niệm*** | ***Dấu hiệu, hình thức, chức năng*** | ***Ví dụ*** |
| 1 | ***Câu ghép*** | Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V này được gọi là một vế câu | **\*Có hai cách nối các vế câu:**  -Dùng những từ có tác dụng nối.Cụ thể:  +Nối bằng một quan hệ từ;  +Nối bằng một cặp quan hệ từ;  +Nối bằng một cặp phó từ, đại từ hay chỉ từ thường đi đôi với nhau (cặp từ hô ứng).  -Không dùng từ nối: Trong trường hợp này, giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm.  **\*Các vế của câu ghép có quan hệ ý nghĩa** với nhau khá chặt chẽ. Những quan hệ thường gặp là: qh nguyên nhân, qh điều kiện(giả thiết), qh tương phản, qh tăng tiến, qh lựa chọn, qh bổ sung, qh tiếp nối, qh đồng thời, qh giải thích.  **\*Mối quan hệ thường được đánh dấu bằng** cặp quan hệ từ, những quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng nhất định. Tuy nhiên, để nhận biết chính xác quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu, trong nhiều trường hợp ta phải đựa vào văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp. | +Giá trời không mưa thì chúng tôi sẽ đi chơi.  +***Vì*** mẹ /ốm ***nên*** bạn  CN1 VN1  Nghĩa /phải nghĩ học.  CN2 VN2 |
| 2 | ***Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ*** |  | Nghĩa của một từ ngữ có thể rộng hơn(khái quát hơn) hoặc hẹp hơn (ít khái quát hơn)nghĩa của từ khác:  -Một từ ngữ được coi là có nghĩa rộng khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó bao hàm phạm vi nghĩa của một số từ ngữ khác.  -Một từ ngữ được coi là có nghĩa hẹp khi phạm vi nghĩa của từ đó được bao hàm trong phạm vi nghĩa của một từ ngữ khác.  -Một từ ngữ có nghĩa rộng đối với những từ ngữ này, đồng thời có nghĩa hẹp đối với từ ngữ khác. | + Xăng, dầu hoả, ga, than, củi… được bao hàm trong phạm vi nghĩa của từ "nhiên liệu".  + "Lúa"có nghĩa rộng hơn các từ ngữ: lúa nếp, lúa tẻ, lúa tám thơm…  + Lúa lại có nghĩa hẹp hơn với từ "ngũ cốc" |
| 3 | ***Trường từ vựng*** | Trường từ vựng là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa |  | + Các từ: thầy giáo, công nhân nông dân, thầy thuốc, kỹ sư… đều có một nét nghĩa chung là: người nói chung xét về nghề nghiệp. |
| 4 | ***Từ tượng hình, từ tượng thanh*** | \*Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.  \*Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên của con người. | Từ tượng hình, từ tượng thanh gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao; thường được dùng trong văn miêu tả và văn tự sự. | **+**Từ tượng thanh: soàn soạt, bịch, đánh bốp, nham nhảm.  **+**Từ tượng hình: rón rén, lực điền, chỏng queo. |
| 5 | ***Từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội*** | \*Khác với từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định.  \* Khác với từ ngữ toàn dân,biệt ngữ xã hội chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định | \*Việc sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội phải phù hợp với tình huống giao tiếp. Trong thơ văn tác giả có thể sử dụng một số từ ngữ thuộc hai lớp từ này để tô đậm màu sắc địa phương, màu sắc tầng lớp xã hội của ngôn ngữ, tính cách nhân vật.  \*Muốn tránh lạm dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội, cần tìm hiểu các từ ngữ toàn dân có nghĩa tương ứng để sử dụng khi cần thiết. | \*Ngái\_xa,chộ\_thấy  Mẹ\_mạ,rào\_sông, …  \*Mợ\_mẹ,trứng\_điểm 0 |
| 6 | ***Trợ từ, thán từ*** | \*Trợ từ là những từ chuyên đi kèm với một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.  \*Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. | \* Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi được tách ra thành một câu đặc biệt.  \* Thán từ gồm hai loại chính:  + Thán từ bộc lộ tình cảm cảm xúc:  +Thán từ gọi đáp: | \*Ví dụ trợ từ: những, có, chính, đích, ngay…  A, ái, ơ, ôi, ô hay, than ơi, trời ơi…  Này, ơi, vâng, dạ, ừ... |
| 7 | ***Tình thái từ*** | Tình thái từ là những từ được thêm vào câu để tạo câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán và để biệu thị sắc thái tình cảm của người nói. | \*Tình thái từ gồm một số loại đáng chú ý như sau:  -Tình thái từ nghi vấn:  -Tình thái từ cầu khiến:  -Tình thái từ cảm thán:  -Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm:  \*Khi nói khi viết cần chú ý sử dụng tình thái từ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp (quan hệ tuổi tác, thứ bậc xã hội, tình cảm…) | À, ư, hả, chứ, chăng…  Đi, nào, với…  Thay, sao…  Ạ, nhé, cơ, mà… |
| 8 | ***Nói quá*** | Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm. |  | +Bọn giặc hoảng hồn vắt chân lên cổ mà chạy.  +Cô Nam tính tình xởi lởi, ruột để ngoài da. |
| 9 | ***Nói giảm, nói tránh*** | Nói giảm nói tránh là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự. |  | + "Chị ấy xấu" có thể thay bằng "Chị ấy không đẹp lắm".  +  "Anh ấy hát dở" có thể thay bằng "Anh ấy hát chưa hay"  +"Ông ấy sắp chết" có thể thay bằng " Ông ấy chỉ nay mai thôi" |
| 10 | ***Dấu ngoặc đơn, dấu hai chấm*** |  | \*Dấu ngoặc đơn dùng để đánh dấu phần chú thích (giải thích, thuyết minh, bổ sung thêm)  \*Dấu hai chấm dùng để:  -Đánh dấu (báo trước) phần giải thích, thuyết minh cho một phần trước đó.  -Đánh dấu (báo trước) lời dẫn trực tiếp (dùng với dấu ngoặc kép) hay lời đối thoại (dùng với dấu gạch ngang). | \*Ví dụ: Lí Bạch (701-762)  +Vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi: hôm nay tôi đi học.  +Người xưa có câu: “trúc dẫu cháy, đốt ngay vẫn thẳng” |
| 11 | ***Dấu ngoặc kép*** |  | Dấu ngoặc kép dùng để:-Đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp;  -Đánh dấu từ ngử được hiểu theo nghĩa đặc biệt hay có hàm ý mỉa mai;  -Đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san,… được dẫn. | -“A, lão già tệ lắm”  -Cầu Long Biên như một “giải lụa”.  -Tác phẩm “Tắt Đèn” của “Ngô Tất Tố” |
| 12 | ***Khởi ngữ*** | Nêu lên đề tài được nói đến trong câu. | + Là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu.  + Trước khởi ngữ thường có thêm các từ: về, đối với. | - **Làm bài tập** thì tôi đã làm rồi.  - **Hăng hái học tập**, đó là đức tính tốt của người học sinh. |
| **THÀNH PHẦN BIỆT LẬP** | | | | |
| 1 | ***Thành phần biệt lập tình thái*** | ***Thành phần tình thái*** là thành phần được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu. | Thông thường có các từ: có lẽ, hình như, chắc chắn, chắc hẳn…. | VD: - Cháu mời bác vào trong nhà uống nước **ạ** ! - **Chắc chắn,** ngày mai trời sẽ nắng. |
| 2 | ***Thành phần biệt lập cảm thán*** | ***Thành phần cảm thán*** là thành phần được dùng để bộc lộ thái độ, tình cảm, tâm lí của người nói (vui, mừng, buồn, giận…) | -Có sử dụng những từ ngữ như: chao ôi, a , ơi, trời ơi….  - Thành phần cảm thán có thể được tách thành một câu riêng theo kiểu câu đặc biệt. | **VD:**  + **Ôi** ! hàng tre xanh xanh Việt Nam  Bão táp mưa sa vẫn thẳng hàng (Viễn Phương)  + **Trời ơi,** lại sắp mưa to nữa rồi! |
| 3 | ***Thành phần biệt lập gọi đáp*** | ***Thành phần gọi - đáp*** là thành phần biệt lập được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp; có sử dụng những từ dùng để gọi – đáp. | -Có sử dụng các từ gọi đáp: vâng, dạ, ạ, ơi…. | VD: + **Vâng**, con sẽ nghe theo lời của mẹ.  + **Này**, rồi cũng phải nuôi lấy con lợn…mà ăn mừng đấy ! (Kim Lân) |
| 4 | ***Thành phần biệt lập phụ chú*** | ***Thành phần phụ chú*** là thành phần biệt lập được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu; | -Thường được đặt giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hai dấu ngoặc đơn hoặc giữa hai dấu gạch ngang với dấu phẩy. -Nhiều khi thành phần phụ chú cũng được đặt sau dấu ngoặc chấm. | VD:  + Lão không hiểu tôi, **tôi nghĩ vậy**, và tôi càng buồn lắm ( Nam Cao)  + Vũ Thị Thiêt -**người con gái quê ở Nam Xương**, tính đã thùy mị nết na lại thêm tư dung tốt đẹp. |
| **PHÉP LIÊN KẾT CÂU** | | | | |
| 1 | ***Phép lặp*** | Phép lặp từ ngữ: là cách lặp lại ở câu đứng sau những từ đã có ở câu trước | Lưu ý: Liên kết giữa các câu với nhau chứ không phải trong 1 câu. | **VD**: **Tôi** nghĩ đến những niềm hi vọng, bỗng nhiên hoảng sợ. Khi Nhuận Thổ xin chiếc lư hương và đôi đèn nến, **tôi** cười thầm, cho rằng anh ta lúc nào cũng không quên sùng bái tượng gỗ. (Lỗ Tấn). *( Lặp từ* ***tôi****)* |
| 2 | ***Phép thế*** | Phép thế: là cách sử dụng ở câu sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước. | Các yếu tố thế:  - Dùng các chỉ từ hoặc đại từ như: đây, đó, ấy, kia, thế, vậy…, nó, hắn, họ, chúng nó…thay thế cho các yếu tố ở câu trước, đoạn trước.  - Dùng tổ hợp “danh từ + chỉ từ” như: cái này, việc ấy, điều đó,… để thay thế cho yếu tố ở câu trước, đoạn trước.  *Các yếu tố được thay thế có thể là từ, cụm từ, câu, đoạn.* | **VD**:  **Nghệ sĩ điện truyền thẳng vào tâm hồn chúng ta**. **Ấy** là điểm màu của nghệ thuật. (Nguyễn Đình Thi) ( **Chỉ từ** thay thế cho **câu**)  ***Nhà thơ*** Thanh Hải là một nghệ sĩ tài hoa. ***Ông*** được rất nhiều người yêu thích khi sáng tác thơ. |
| 3 | ***Phép nối*** |  | Các phương tiện nối:  - Sử dụng quan hệ từ để nối: và, rồi, nhưng, mà, còn, nên, cho nên, vì, nếu, tuy, để…  - Sử dụng các từ chuyển tiếp: những quán ngữ như: một là, hai là, trước hết, cuối cùng, nhìn chung, tóm lại, thêm vào đó, hơn nữa, ngược lại, vả lại …  - *Sử dụng tổ hợp “quan hệ từ, đại từ, chỉ từ”: vì vậy, nếu thế, tuy thế . . . ; thế thì, vậy nên . ..* | **VD**: Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. **Nhưng** nghệ sĩ không ghi lại những cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. (Nguyễn Đình Thi) |
| **NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ HÀM Ý** | | | | |
| 1 | ***Nghĩa tường minh*** | Nghĩa tường minh là phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu. |  |  |
| 2 | ***Nghĩa hàm ý*** | Hàm ý là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy. |  | VD: An: - Chiều mai cậu đi đá bóng với tớ đi .  Bình: - Chiều mai tớ đi học toán rồi.  *(Hàm ý: Tớ không đi đá bóng được)*  An: - Thế à, buồn nhỉ. |
| **BIỆN PHÁP TU TỪ NGHỆ THUẬT** | | | | |
| 1 | ***So sánh*** | **Khái niệm:** So sánh là đối chiếu 2 hay nhiều sự vật, sự việc mà giữa chúng có những nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho lời văn. | - A là B:  *“Người ta là hoa đất*       [tục ngữ]  *“Quê hương là chùm khế ngọt”*      [Quê hương  - Đỗ Trung Quân]  - A như B:  *“Nước biếc trông như làn khói phủ*  *Song thưa để mặc bóng trăng vào”* | Trong đó:   + A – sự vật, sự việc được so sánh   + B – sự vật, sự việc dùng để so sánh   + *“Là” “Như” “Bao nhiêu…bấy nhiêu”* là từ ngữ so sánh, cũng có khi bị ẩn đi. |
| 2 | ***Nhân hóa*** | Nhân hóa là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động, tính cách, suy nghĩ, tên gọi ... vốn chỉ dành cho con người để miêu tả đồ vật, sự vật, con vật, cây cối khiến cho chúng trở nên sinh động, gần gũi, có hồn hơn. | - Dùng những từ vốn gọi người để gọi sự vật: *Chị ong nâu, Ông mặt trời, Bác giun, Chị gió,…*  - Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động tính chất của vật:  - Trò chuyện với vật như với người: | *“Heo hút cồn mây súng ngửi trời”*   [Tây Tiến – Quang Dũng]  *"Sông Đuống trôi đi*  *Một dòng lấp lánh*  *Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì”*  [Bên kia sông Đuống – Hoàng Cầm] |
| 3 | ***Ẩn dụ*** | Ẩn dụ là BPTT gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác *có nét tương đồng* với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. | + Ẩn dụ hình thức - tương đồng về hình thức  + Ẩn dụ cách thức – tương đồng về cách thức  + Ẩn dụ phẩm chất -  tương đồng về phẩm chất  + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác - chuyển từ cảm giác này sang cảm giác khác, cảm nhận bằng giác quan khác. | *“Thuyền về có nhớ bến chăng*  *Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền”*  [ca dao]     [*thuyền* – người con trai; *bến* – người con gái] |
| 4 | ***Hoán dụ*** | Hoán dụ là BPTT gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên của một sự vật, hiện tượng khác *có quan hệ gần gũi* với nó nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. | + Lấy một bộ phận để chỉ toàn thể:  + Lấy vật chứa đựng chỉ vật bị chứa đựng:  + Lấy dấu hiệu của sự vật để chỉ sự vật:  + Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng | *Áo chàm đưa buổi phân li*  *Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”*       [Việt Bắc - Tố Hữu] |

**BẢNG TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ NGỮ PHÁP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đơn vị bài học** | **Khái niệm** | **Ví dụ** |
| **Danh từ** | Là những từ chỉ người, vật, khái niệm | Bác sĩ, học sinh, gà con. |
| **Động từ** | Là những từ chỉ hành động, trạng thái của sự vật. | Học tập, nghiên cứu, ... |
| **Tính từ** | Là những từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hành động, trạng thái. | Xấu, đẹp, buồn, vui, ... |
| **Số từ** | Là những từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật. | Một, hai, ba, thứ nhất, thứ hai,... |
| **Đại từ** | Là những từ dùng để trỏ người, vật, hoạt động, tính chất được nói đến trong một ngữ cảnh nhất định của lời nói hoặc dùng để hỏi. | Tôi, nó, thế, ... |
| **Lượng từ** | Là những từ chỉ số lượng ít hay nhiều của sự vật. |  |
| **Chỉ từ** | Là những từ dùng để trỏ vào sự vật, nhằm xác định vị trí của sự vật trong không gian hoặc thời gian. | ấy, đó, nọ, kia, ... |
| **Quan hệ từ** | Là những từ dùng để biểu thị các ý nghĩa quan hệ như sở hữu, so sánh, nhân quả ... giữa các bộ phận của câu hay giữa câu với câu trong đoạn văn. | Của, như, vì...nên, ... |
| **Trợ từ** | Là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó. |  |
| **Tình thái từ** | Là những từ thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói. | A ! ôi ! |
| **Thán từ** | Là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc, của người nói hoặc dùng để gọi đáp. | Than ôi ! Trời ơi ! |
| **Cụm danh từ** | Là tổ hợp từ do danh từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành. | Những bông hoa mùa xuân |
| **Cụm động từ** | Là tổ hợp từ do động từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành. | đang hé nở đồng loạt |
| **Cụm tính từ** | Là tổ hợp từ do tính từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành. | đẹp như tranh |
| **Thành phần chính của câu** | Là thành phần bắt buộc phải có mặt để câu có cấu tạo hoàn chỉnh và diễn đạt được một ý trọn vẹn. | Mưa**/** rơi.  Súng**/** nổ. |
| **Thành phần phụ của câu** | Là thành phần không bắt buộc có mặt trong câu. |  |
| **Chủ ngữ** | Là thành phần chính của câu nêu lên sự vật, hiện tượng có hành động, đặc điểm, trạng thái ... được miêu tả ở vị ngữ. | Mưa / rơi  **CN** |
| **Vị ngữ** | Là thành phần chính của câu có khả năng kết hợp với các phó từ chỉ quan hệ thời gian, trả lời cho câu hỏi: *làm gì ? Làm sao ?* | Nó về lúc sáng sớm.  **VN** |
| **Câu trần thuật đơn** | Là loại câu do một cụm C-V tạo thành, dùng để giới thiệu, tả hoặc kể về một sự việc, sự vật hay để nêu một ý kiến. | Chiến sĩ /vẫn đi về phía trước |
| **Câu đặc biệt** | Là loại câu không cấu thành theo mô hình chủ ngữ - vị ngữ. | Mưa. Gió. Bom. Lửa |
| **Câu rút gọn** | Là câu mà khi nói hoặc viết có thể lược bỏ một số thành phần của câu nhằm thông tin nhanh, tránh lặp từ ngữ. | * Anh đến với ai ? * *Một mình !* |
| **Câu ghép** | Là câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành.  Mỗi cụm C-V này được gọi là một vế câu. Nối bằng:  + Quan hệ từ  + Cặp quan hệ từ.  + Phó từ hoặc đại từ.  + dùng dấu phẩy, dấu hai chấm. | Trời/ bão *nên* tôi  C V C  /nghỉ học  V |
| **Câu hỏi** | Là câu có những từ nghi vấn, những từ nối các vế có quan hệ lựa chọn. Chức năng chính dùng để hỏi, ngoài ra dùng để khẳng định, bác bỏ, đe dọa, ... | Sớm mai này bà nhóm bếp lửa lên chưa ? *(Bằng Việt)* |
| **Câu cảm** | Là câu có những ngữ cảm thán dùng để bộ lộ trực tiếp cảm xúc của người nói (người viết); xuất hiện trong ngôn ngữ hàng ngày hay ngôn ngữ văn chương. | Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu!  *(Bằng Việt)* |
| **Câu khiến** | Là câu có những từ cầu khiến hay ngữ điệu cầu khiến, dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo, ... | Xin đừng hút thuốc ! |
| **Câu trần thuật** | Là câu dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả ... hay yêu cầu, đề nghị, bộc lộ tình cảm, cảm xúc ... | Hôm nay, mẹ đi chợ. |